

**TIỂU SỬ NHỮNG NHÀ HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG GẮN BÓ  
VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG TỈNH ĐẮK NÔNG  
(thứ tự A, B, C)**

**PHÙNG ĐÌNH ÁM.**

Bí danh: Tâm, Ba Cung;

Năm sinh – năm mất: 1929 – 2011

Quê quán: làng Dương Liễu, thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Chức nghiệp - Công trạng: Tháng 8/1945, tham gia lực lượng thanh niên giành chính quyền tại Phù Mỹ, sau đó vào bộ đội địa phương tỉnh. Từ 1948 – 1951 hoạt động trong Tiểu đoàn 17, Tiểu đoàn 115 và Tiểu đoàn 365 chiến đấu trên các chiến trường Khu V, Đông bắc Campuchia; Năm 1959 Phó đoàn B90 soi mở đường Hồ Chí Minh từ Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ; năm 1960 là Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện Kiến Đức (nay là huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông); Cuối năm 1968 Phó chủ nhiệm Phòng Chính trị quân khu 10; Cuối 1969 làm Chính ủy tiền phương Quân khu 10; Năm 1972 được điều động về làm Phó phòng Tuyên huấn Cục Chính trị Quân giải phóng miền Nam. Từ năm 1979 trải qua các cương vị Trưởng phòng K, Phó Tư lệnh Mặt trận 779, Mặt trận 479, phụ trách chuyên gia chính trị khu vực 4 (QK4) làm nhiệm vụ quốc tế giúp nước bạn Cam-pu-chia. Năm 1985 được đề bạt cấp quân hàm Thiếu tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam; năm 1989 là phái viên chính trị bên cạnh Bộ chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia. Ở cương vị công tác nào ông cũng hoàn thành xuất sắc, được tặng thưởng nhiều huân chương cao quý như: Huân chương Độc lập hạng nhì; huân chương Quân công hạng nhất, nhì, ba; huân chương chống Pháp hạng ba; huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất; huân chương Chiến công hạng nhất, nhì, ba; huân chương Chiến thắng (thời chống Pháp) của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; huân chương Bảo vệ Tổ quốc (thời chống Pôn Pốt) của Cộng hòa Nhân dân Campuchia; huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba; huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì, ba; cùng với các huy chương Quân kỳ quyết thắng, huân chương Vì sự nghiệp Quốc tế, huy chương Quyết thắng của Lào, huy chương Bảo vệ Tổ quốc của Campuchia, huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, huy chương vì sự nghiệp tuổi trẻ, huy chương vì sự nghiệp phát triển của dân tộc và miền núi và nhiều huy hiệu, kỷ niệm chương khác.

**ĐẶNG BÓN.**

- Bí danh: Ama Huy

- Quê quán: xã Phở Nhon, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Năm sinh – năm mất: 1923 – 1975

- Chức nghiệp - Công trạng: Là nhà hoạt động cách mạng, Ông vào Đảng

từ năm 1945, tham gia hoạt động bí mật và du kích Ba Tơ. Năm 1949, ông được điều đi Đắk Lắk, cử làm chính trị viên huyện đội Đắk Lắk, huyện ủy viên huyện CKeo. Đến năm 1953, làm Bí thư Huyện ủy CKeo, Tỉnh ủy viên, Thường vụ tỉnh ủy Quảng Đức. Từ năm 1963 – 1972, ông trải qua các cương vị như Phó Bí thư tỉnh ủy Quảng Đức, Phó Ban tổ chức khu ủy khu 10 (1963-1969), Trưởng ban dân tộc khu Nam Trung Bộ và hy sinh tại Tiên Liêng, Đức Trọng, Lâm Đồng vào tháng 6/1975. Ông được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất và huân chương Độc lập hạng nhất.

## N'TRANG GƯ'H

- Tên thường gọi: Y Gưh H'Đók
- Quê quán: Buôn Čoah Kplang, nay là xã Buôn Choáh, huyện Krông Nô
- Năm sinh – năm mất: 1845 - 1914

- Công trạng: Là tù trưởng buôn Čoah Kplang, nay là xã Buôn Choáh, huyện Krông Nô, một buôn của nhóm Êđê Bih khu vực Krông Knô. Ông có tinh thần yêu nước, yêu dân đã tự tạo ra những vũ khí như cung tên, nỏ, ná... để săn bắt. Là thủ lĩnh nghĩa quân chống quân xâm lược Xiêm (1884-1887) và thực dân Pháp (1900-1914) ở Tây Nguyên.

Năm 1887 ông tập hợp hơn 600 thanh niên thuộc 20 buôn trên lưu vực sông Krông Nô và Krông Ana đứng lên khởi nghĩa tiêu diệt toàn bộ quân Xiêm tại cánh đồng buôn Tur và buôn Phok vào cuối thế kỷ 19. Năm 1900, một lần nữa N'Trang Gưh đã đứng lên tập hợp dân làng khởi nghĩa chống Pháp. Dưới sự lãnh đạo của N'Trang Gưh, cuộc khởi nghĩa kéo dài hơn một thập kỷ, giành được nhiều chiến công vẻ vang, gây chấn động toàn Đông Dương và giới cầm quyền Pháp.

Tại đây, ông đã kiên cường cùng đồng bào đứng lên kháng chiến trong suốt 14 năm ròng (1900-1914), là một trong những cuộc kháng chiến lớn nhất ở Tây Nguyên thời bấy giờ. Ngày 31 tháng 1 năm 1899, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập tỉnh Darlac có lý sở đóng tại Buôn Đôn do Bourgeois làm Công sứ và xúc tiến các công việc “làm thí điểm trong công cuộc bình định Tây Nguyên”. Thế nhưng Buôn Đôn do những bất lợi của nó về vị trí địa lý, quá xa trung tâm tỉnh, nằm sát khu vực biên giới khiến cho Bourgeois không yên tâm và quyết định dời trụ sở tỉnh lỵ về Buôn Tur thuộc khu vực người Êđê Bih ở hạ lưu sông Krông Ana. Ngày 1 tháng 3 năm 1900, Bourgeois chỉ huy một lực lượng lính khố xanh tiến vào các làng người Bih ở Buôn Tur nhưng không thành. Hai ngày sau, tên này quay lại tấn công buôn Cua Kplang. N'Trang Gưh đã chỉ huy người dân chống trả quyết liệt rồi rút vào rừng chính đồn lực lượng. Năm 1904, 600 nghĩa quân Bih tập kích đồn Buôn Tur rồi thừa thắng tiến công hạ các đồn Riăng, đồn Buôn Dur, đồn Photy, đồn Buôn Trinh... Những hoạt động của nghĩa quân N'Trang Gưh ngay sát nách Buôn Ma Thuật khiến cho người Pháp không thể an tâm nhưng cũng không có cách nào đánh bại được chiến thuật du kích lợi hại của nghĩa quân. Vùng hạ lưu Krông Ana trong suốt 13 năm (1901-1913) luôn là khu

vực bất khả xâm phạm của đồng bào Bih. Năm 1914, nhờ có sự chỉ điểm của một tên phản bội, thực dân Pháp bắt được N'Trang Guh và giết ông lúc ông 69 tuổi.

### **BƠ RƠONG LENG**

- Năm sinh – năm mất: (? - ?)

- Chức nghiệp - Công trạng: Thủ lĩnh trong cuộc khởi nghĩa chống Pháp của đồng bào M'Nông do N'Trang Long lãnh đạo ở vùng Đăk Nông đầu thế kỷ XX. Quê ở làng Bu Đăng, là người đầu làng (chủ bon) Bu Nor - que vợ ông. Ông là một trong những người bạn chiến đấu thân tín của N'Trang Long, người thủ lĩnh quan trọng của nghĩa quân, đứng sau Bơ Xing RĐing. Cùng với Bơ Xing RĐing, ông và Bơ Njung là những người góp phần quyết định thắng lợi của trận đánh then chốt Bu Nor sau này.

### **BƠ RƠI N'JUNG**

- Năm sinh – năm mất: (? - ?)

- Chức nghiệp - Công trạng: Thủ lĩnh trong cuộc khởi nghĩa chống Pháp của đồng bào M'Nông do N'Trang Long lãnh đạo ở vùng Đăk Nông đầu thế kỷ XX. Quê ở Bu Nđrưng và là đầu làng (chủ bon) này. Là một trong những thủ lĩnh quan trọng (đứng sau Bơ Rơong Leng) của nghĩa quân N'Trang Long. Ông và Bơ Rơong Leng là những người phụ trách đối ngoại. Ở nhiệm vụ này, ông đã góp phần to lớn quyết định thắng lợi của trận Bu Nor và trong nhiều việc khác của nghĩa quân.

### **BƠ XING RĐING**

- Năm sinh – năm mất: (? - ?)

- Chức nghiệp - Công trạng: Thủ lĩnh trong cuộc khởi nghĩa chống Pháp của đồng bào M'Nông do N'Trang Long lãnh đạo ở vùng Đăk Nông đầu thế kỷ XX. Quê ở Bo Koh, là người đầu làng (chủ bon) Bu Jâng Chet (còn gọi là Bu Xiết' quê vợ của ông. Là một trong những người có uy tín nhất trong các đầu làng người M'Nông. Trong quân khởi nghĩa, Rđing có vị trí hết sức quan trọng, chỉ đứng sau thủ lĩnh N'Trang Long.

### **NGUYỄN KHẮC TÍNH**

- Tên gọi khác, bí danh: Ba Ban;

- Quê quán: xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Năm sinh – năm mất: 1921 - 2008.

- Chức nghiệp - Công trạng: Ông tham gia phong trào đấu tranh của học

sinh, thanh niên từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường với chương trình, điều lệ Việt Minh. Năm 1945 ông gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam, hoạt động ở tỉnh Đắk Lắk. Năm 1947, ông làm Bí thư Ban cán sự tỉnh Đắk Lắk, sau đó lần lượt giữ các chức vụ Ủy viên thường vụ tỉnh ủy, Phó Bí thư tỉnh ủy Đắk Lắk.

Năm 1954 - 1959, sau khi tập kết ra Bắc, đồng chí công tác tại Ban Dân tộc Trung ương. Giữa năm 1959, được phân công về chiến trường miền Nam. Là Khu ủy viên Khu 6 phụ trách Chánh văn phòng khu ủy (1961); Bí thư Tỉnh Quảng Đức (cuối 1961 - 1966); Ủy viên Thường vụ Khu ủy Khu 10 (1966). Năm 1970 là Bí thư Khu ủy Khu 10 và khi Khu 10 giải thể, đồng chí được cử làm Bí thư phân khu Bình Phước (1971 - 1973). Sau ngày giải phóng miền Nam, ông làm phó Ban kinh tế mới Trung ương cục miền Nam. Từ năm 1977 - 1981, là trợ lý cho đồng chí Võ Chí Công - Ủy viên Bộ Chính Trị, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp.

Với quá trình công tác liên tục, đồng chí đã được Đảng và Nhà nước trao tặng: Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng nhất, Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất, Huân chương chống Mỹ hạng nhất, Kỷ niệm chương bị địch bắt tù đầy cùng nhiều bằng khen, giấy khen khác.

## NGUYỄN HỒNG ƯNG

- Bí danh: Vũ Anh Ba,

- Năm sinh – năm mất: 1922 - 1996

- Quê quán: xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Công trạng: Ông sớm giác ngộ cách mạng, tham gia phong trào đấu tranh dân chủ (1936-1939). Năm 1940, ông gia nhập Đảng Cộng sản, được phân công xây dựng cơ sở tại huyện Sơn Tịnh. Từ năm 1946 đến năm 1960, ông được đảm nhiệm các chức vụ: Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ngãi, Ủy viên Mặt trận Liên khu V, Phó bí thư tỉnh ủy Gia lai-Kon Tum,

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, năm 1959, đồng chí được Liên Khu ủy V phân công về làm Bí thư Tỉnh ủy Đắk Lắk (Đắk Nông ngày nay), Bí thư Ban cán sự B4 (10-1959) Căn cứ kháng chiến B4 nằm trên địa phận huyện Krông Nô. Tháng 8-1960, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ Nhất, họp tại Chư Djũ, Đại hội bầu ra Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 13 đồng chí và Đồng chí được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Đắk Lắk. Bí thư tỉnh ủy Đắk Lắk. Tháng 12 năm 1960, tỉnh Quảng Đức được thành lập, ông được phân công làm Bí thư đầu tiên của tỉnh. Năm 1968, ông làm Bí thư tỉnh ủy tỉnh Tuyên Đức- Đà Lạt. Trong thời gian làm Bí thư tỉnh ủy Quảng Đức, ông đã lãnh đạo xây dựng căn cứ cách mạng, bảo vệ thông suốt đường hành lang chiến lược Tây Nguyên vào chiến trường miền Đông Nam Bộ. Sau giải phóng miền Nam, làm ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Kinh tế mới - định canh, định cư tỉnh Lâm Đồng. Ông mất ngày 01-10-1996. Ông được tặng thưởng huân chương Hồ Chí Minh.

## **BƠ NÔNG XINH**

- Năm sinh – năm mất: (? - ?)

- Chức nghiệp - Công trạng: Thủ lĩnh trong cuộc khởi nghĩa chống Pháp của đồng bào M'Nông do N'Trang Long lãnh đạo ở vùng Đăk Nông đầu thế kỷ XX. Là em ruột của thủ lĩnh Bơ Xing Rđing. Vốn là người đầu làng (chủ bon) Bu Mêra, quê vợ của ông. Là một trong những thủ lĩnh quang trọng (đứng sau Bơ Roi N'Jung) của nghĩa quân N'Trang Long. Từ khi Hăngri Met đến cắm đất Bu Mêra để dựng đồn, ông đã ra mặt công khai chống đối quyết liệt, không cung cấp phu, không cung cấp lương thực và nhiều lần yêu cầu Hăngri Met phải chuyển đồn đi nơi khác. Là người góp phần quan trọng bảo đảm chắc chắn nhất cho thắng lợi của trận đánh đồn Bu Mêra.

## **ĐẶNG ĐỨC YẾN**

- Năm sinh – năm mất: 1952 - 2009

- Quê quán: xã Quế Xuân, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Chức nghiệp - Công trạng: Nhà hoạt động cách mạng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Nông. Năm 1967, tham gia bộ đội C317 Tỉnh đội Đăk Lăk. Từ năm 1968 - 1972 công tác tại Ban Binh vận Đăk Lăk. Từ năm 1972 – 2003 trải qua các chức vụ như : Cán bộ Cơ yếu Văn phòng Tỉnh ủy Đăk Lăk (1972 - 1975); Phó Bí thư Tỉnh đoàn Đăk Lăk (1976 – 8/1986); Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện Krông Bông (8/1986 – 5/1989); Tỉnh ủy viên, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đăk Lăk (5/1989 – 1999); Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Lăk (12/1999 – 2003).

Từ năm 2004 - 2009, giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Nông. Ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng ba, Huân chương Quyết thắng hạng nhất, Huy chương Giải phóng hạng nhất, cùng nhiều Huân chương, Kỷ niệm chương khác.

**DANH SÁCH CÁC BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG  
(thứ tự A, B, C)**

**NGÔ THỊ BÀI**

- Năm sinh: 1921 (đã chết)
- Nguyên quán: Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam
- Trú quán: TT Kiên Đức, Đắk R'Lấp, Đắk Nông
- Quyết định số: 438 /KT/CTN, ngày 24/4/1995 của Chủ tịch nước
- Có chồng và mẹ và 2 con: chồng Đào Tung và mẹ Ngô Thị Bài và 2 con Đào Tuấn và Đào Thị Xí là liệt sỹ.

**HỒ THỊ BẢY**

- Năm sinh: 1912 (đã chết)
- Nguyên quán: Hưng Long, Hưng - Nguyên, Nghệ An
- Trú quán: Cư K Nia, Cư Jút, Đắk Nông
- Quyết định số: 345/QĐ-CTN, ngày 23/02/2016 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Nguyễn Hoài Vân và Nguyễn Thị Vân liệt sỹ

**H BÍ KBUÔR**

- Năm sinh: 1910 (đã chết)
- Nguyên quán: Tâm Thắng, Cư Jút, Đắk Nông
- Trú quán: Tâm Thắng, Cư Jút, Đắk Nông
- Quyết định số: 1271/QĐ-CTN, ngày 06/7/2017 của Chủ tịch nước
- Có 2 con: Y Huê Kbuôr và Y Het Kbuôr

**HUỖNH THỊ BỔ**

- Năm sinh: ? (đã chết)
- Nguyên quán: Tam Thắng, Tam Kỳ, Quảng Nam
- Trú quán: Nam Đà, Krông Nô, Đắk Nông

- Quyết định số: 1271/QĐ-CTN, ngày 06/7/2017 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Nguyễn Phi và Nguyễn Văn Lân là liệt sỹ.

### **TRẦN THỊ BÔNG**

- Năm sinh: 1919 (đã chết)
- Nguyên quán: Phổ Cường, Đức Phổ, Quảng Ngãi
- Trú quán: Nghĩa Trung, Gia Nghĩa, Đắk Nông
- Quyết định số: 399 /KT/CTN, ngày 17/12/1994 của Chủ tịch nước
- Có 3 con: Huỳnh Thế Nhi và Huỳnh Sở và Huỳnh Chín là liệt sỹ.

### **H BÓP KNUL**

- Năm sinh: 1948 (đã chết)
- Nguyên quán: Tâm Thắng, Cư Jút, Đắk Nông
- Trú quán: Tâm Thắng, Cư Jút, Đắk Nông
- Quyết định số: 165/QĐ-CTN, ngày 28/3/2002 của Chủ tịch nước
- Có 1 con: Y Khon Knul là liệt sỹ.

### **NGUYỄN THỊ CA**

- Năm sinh: 1933 (còn sống)
- Nguyên quán: Duy Tân, Duy Xuyên, Quảng Nam
- Trú quán: Đức Xuyên, Krông Nô, Đắk Nông
- Quyết định số: 3354/QĐ-CTN, ngày 16/12/2014 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Hồ Quang Châu và Hồ Văn Hải là liệt sỹ.

### **DƯƠNG THỊ CÁI**

- Năm sinh: 1927 (đã chết)
- Nguyên quán: Tiên Hà, Tiên Phước, Quảng Nam
- Trú quán: Kiến Đức, Đắk R'Lấp, Đắk Nông
- Quyết định số: 2304/QĐ-CRN, ngày 02/11/2016 của Chủ tịch nước
- Mẹ Có chồng và 1 con: Chồng Nguyễn Cửu và con Nguyễn Ngọc Thơ là liệt sỹ.

### **KIỀU THỊ CẨM**

- Năm sinh: 1907 (đã chết)
- Nguyên quán: Điện Dương, Điện Bàn, Quảng Nam
- Trú quán: Ea Tling, Cư Jút, Đắk Nông
- Quyết định số: 394/KT/CTN, ngày 17/12/1994 của Chủ tịch nước
- Có chồng và 4 con: Chồng Nguyễn Kiệt và 4 con Nguyễn Văn Chân và Nguyễn Văn Tấn và Nguyễn Văn Bùi và Nguyễn Tấn Nguyên là liệt sỹ.

### **TRẦN THỊ CHÂU**

- Năm sinh: 1918 (đã chết)
- Nguyên quán: Đại Minh, Đại Lộc, Quảng Nam
- Trú quán: Quảng Tân, Tuy Đức, Đắk Nông
- Quyết định số: 685/QĐ-CTN, ngày 25/5/2010 của Chủ tịch nước
- Có chồng và 2 con: chồng Ngô Châu 2 con Ngô Thị Theo và Ngô Thị Theo là liệt sỹ.

### **BÙI THỊ CHÚT**

- Năm sinh: 1916 (đã chết)
- Nguyên quán: Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
- Trú quán: Đắk Rung, Đắk Song, Đắk Nông
- Quyết định số: 438/KT/CTN, ngày 24/4/1995 của Chủ tịch nước
- Mẹ có chồng và 4 con: Chồng Nguyễn Thanh Đường và 2 con Nguyễn Dị và Nguyễn Ly và Nguyễn Thanh Ba và Nguyễn Xuân là liệt sỹ.

### **PHẠM THỊ DỆN**

- Năm sinh: 1920 (đã chết)
- Nguyên quán: Ân Mỹ, Hoài Ân, Bình Định
- Trú quán: Nghĩa Phú, Gia Nghĩa, Đắk Nông
- Quyết định số: 1950/QĐ/CTN, ngày 30/12/2008 của Chủ tịch nước



### **TRẦN THỊ DỊ**

- Năm sinh: 1920 (đã chết)
- Nguyên quán: Điện Quang, Điện Bàn, Quảng Nam
- Trú quán: Đạo Nghĩa, Đắc R'Lấp, Đắc Nông
- Quyết định số: 973/QĐ-TCN, ngày 15/12/2004
- Có chồng và 2 con: Chồng Trần Công Hương và 2 con Trần Văn Nhận và Trần Thị Báu là liệt sỹ.

### **LÊ THỊ DŨNG**

- Năm sinh: 1909 (đã chết)
- Nguyên quán: Tam Giang, Núi Thành, Quảng Nam
- Trú quán: Nam Đà, Krông Nô, Đắc Nông
- Quyết định số: 1024/QĐ-CTN, ngày 02/6/2015
- Mẹ có 1 con: Đinh Kháng là liệt sỹ

### **TRẦN THỊ GÁM**

- Năm sinh: 1926 (còn sống)
- Nguyên quán: Đông Lâm, Tiên Hải, Thái Bình
- Trú quán: TT Kiến Đức, Đắc R'Lấp, Đắc Nông
- Quyết định số: 1959/QĐ-CTN, ngày 7/9/2015 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Vũ Huy Chiêu và Đoàn Văn Vương (con nuôi) là liệt sỹ.

### **NGUYỄN THỊ GIỚI**

- Năm sinh: 1921 (đã chết)
- Nguyên quán: Yên Hưng, Văn Yên, Yên Bái
- Trú quán: Ea Tling, Cư Jút, Đắc Nông
- Quyết định số: 3353/QĐ-CTN, ngày 16/12/2014 của Chủ tịch nước
- Có 2 con: Nguyễn Văn Phúc và Nguyễn Quang Thiện là liệt sỹ.

### **NGUYỄN THỊ HIÊNG**

- Năm sinh: 1977 (đã chết)

- Nguyên quán: Hải Tiến, Hải Hậu, Nam Định
- Trú quán: Nghĩa Trung, Gia Nghĩa, Đắk Nông
- Quyết định số: 1024/QĐ-CTN, ngày 02/6/2015 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 1 con: Nguyễn Văn Trung là liệt sỹ

#### **H' HOENH NIE**

- Năm sinh: 1911 (đã chết)
- Nguyên quán: Đắk Wil, Cư Jút, Đắk Nông
- Trú quán: Đắk Wil, Cư Jút, Đắk Nông
- Quyết định số: 1271/QĐ-CTN, ngày 06/7/2017 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Y' Nơ và Y' Jiết Niê là liệt sỹ.

#### **TRẦN THỊ HỐI**

- Năm sinh: 1916 (đã chết)
- Nguyên quán: Duy Phú, Duyên Xuyên, Quảng Nam
- Trú quán: Đắk Sôr K rông Nô, Đắk Nông
- Quyết định số: 132/KT/CTN, ngày 9/3/2004 của Chủ tịch nước
- Có 3 con: Võ Ôn và Võ Văn Mười và Võ Ba là liệt sỹ.

#### **TRẦN THỊ HỒI**

- Năm sinh: 1918 (đã chết)
- Nguyên quán: Vũ Bản, Bình Lục, Hà Nam
- Trú quán: Tâm Thắng, Cư Jút, Đắk Nông
- Quyết định số: 3354/QĐ-CTN, ngày 16/12/2014 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Trần Thế Kháng và Trần Thế Luật là liệt sỹ

#### **NGUYỄN THỊ HỢI**

- Năm sinh: 1902 (đã chết)
- Nguyên quán: Tiên Sơn, Tiên Phước, Quảng Nam
- Trú quán: Đức Mil, Đắk Mil, Đắk Nông
- Quyết định số: 394/KT-CTN, 17/12/1994 của Chủ tịch nước

- Có 4 con: Bùi Đình và Bùi Cường và Bùi Quang Vinh và Bùi Thông là liệt sỹ.

### **TRẦN THỊ HƯỜNG ( HOÀNG)**

- Năm sinh: 1912 (đã chết)  
- Nguyên quán: Sông Đuốc, Trần Văn Thời, Minh Hải  
- Trú quán: Nhân Cơ, Đắc R'Lấp, Đắc Nông  
- Quyết định số: 1038/ KT/CNT, ngày 24/4/1995 của Chủ tịch nước  
- Có 3 con: Nguyễn Văn Chiêu và Nguyễn Văn Tính và Nguyễn Hữu Thế là liệt sỹ.

### **NGÔ THỊ KÈ**

- Năm sinh: 1889 (đã chết)  
- Nguyên quán: Ngũ Kiên, Vĩnh Lạc, Vĩnh Phúc  
- Trú quán: Kiến Đức, Đắc R'Lấp, Đắc Nông  
- Quyết định số: 394/ KT/CTN, ngày 17/12/1994 của Chủ tịch nước  
- Có 3 con: Trương Trọng Miêu và Trương Trọng Thất và Trương Trọng Cung là liệt sỹ.

### **HỒ THỊ KHANH**

- Năm sinh: 1901 (đã chết)  
- Nguyên quán: Cát Tiên, Phú Cát, Bình Định  
- Trú quán: Ea Tling, Cư Jút, Đắc Nông  
- Quyết định số: 937/QĐ-CTN, ngày 15/12/2004 của Chủ tịch nước  
- Có 1 con: Trần Minh Cảnh là liệt sỹ

### **HOÀNG THỊ KHIẾT**

- Năm sinh: 1925 (còn sống)  
- Nguyên quán: Trần Cao, Phù Tiên, Hải Hưng  
- Trú quán: Hưng Bình, Đắc R'Lấp, Đắc Nông  
- Quyết định số: 522/KT/CTN, ngày 27/8/1995 của Chủ tịch nước

- Mẹ có chồng: Trần Văn Hỷ và 2 con Ngô Văn Khải và Ngô Văn Quyền là liệt sỹ

### **ĐOÀN THỊ KIỂM**

- Năm sinh: 1903 (đã chết)
- Nguyên quán: Tiên Ngọc, Tiên Phước, Quảng Nam
- Trú quán: Quảng Phú, Krông Nô, Đắk Nông
- Quyết định số: 345/QĐ-CTN, ngày 23/02/2016 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 1 con: Trần Chiến là liệt sỹ

### **TRẦN THỊ KIỀU**

- Năm sinh: 1911 (đã chết)
- Nguyên quán: Đại Thanh, Đại Lộc, Quảng Nam
- Trú quán: Kiến Đức, Đắk R'Lấp, Đắk Nông
- Quyết định số: số 1200/QĐ-CTN, ngày 13/6/2016 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 1 con: Mã Cộng là liệt sỹ

### **HOÀNG THỊ KINH**

- Năm sinh: 1904 (đã chết)
- Nguyên quán: Hòa An, Nam Tuấn, Cao Bằng
- Trú quán: Ea Pô, Cư Jút, Đắk Nông
- Quyết định số: 743/QĐ-CTN, ngày 24/10/2003 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 1 con: Lục Phan Vĩnh là liệt sỹ

### **PHẠM THỊ LÂM**

- Năm sinh: 1904 (đã chết)
- Nguyên quán: Bình Thành, Bình Sơn, Quảng Ngãi
- Trú quán: Đạo Nghĩa, Đắk R'Lấp, Đắk Nông
- Quyết định số: 3078/QĐ-CTN, ngày 21/11/2014
- Có 1 con: Nguyễn Yến là liệt sỹ.

### **NGUYỄN THỊ LIÊN**

- Năm sinh: 1920 (đã chết)
- Nguyên quán: Tam Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam
- Trú quán: Đạo Nghĩa, Đắc R'Lấp, Đắc Nông
- Quyết định số: 438/ KT/CTN, ngày 24/4/1995 của Chủ tịch nước
- Có 2 con: Lê Mỹ và Lê Phở là liệt sỹ.

### **VÕ THỊ LIỄU**

- Năm sinh: 1923 (còn sống)
- Nguyên quán: Duy Tân, Duy Xuyên, Quảng Nam
- Trú quán: Đức Xuyên, Krông Nô, Đắc Nông
- Quyết định số: 233/QĐ-CNT, ngày 15/10/2015
- Mẹ chồng và có 1 con: Nguyễn Thu và con Nguyễn Đức Cự là liệt sỹ.

### **H' LÔM**

- Năm sinh: 1913 (đã chết)
- Nguyên quán: Nam Nung, Krông Nô, Đắc Nông
- Trú quán: Nam Nung, Krông Nô, Đắc Nông
- Có chồng và 3 con: Chồng Y Bai và 3 con Y Chin và H Rai và Y Liêng là liệt sỹ.

### **LÊ THỊ LONG**

- Năm sinh: 1920 (đã chết)
- Nguyên quán: Mỹ Nhân, Phù Mỹ, Bình Định
- Trú quán: TT Đắc Mil, Đắc , Mil, Đắc Nông
- Quyết định số: 3078/QĐ-CTN, ngày 21/11/2014 của Chủ tịch nước
- Có 2 con: Trương Cứng và Trương Thị Tư là liệt sỹ.

### **TRẦN THỊ LUẬN**

- Năm sinh: 1900 (đã chết)
- Nguyên quán: Ninh Hòa, Khánh Hòa

- Trú quán: Đắc Lao, Đắc Mil, Đắc Nông
- Quyết định số: 438/KT/CTN, ngày 22/4/1995 của Chủ tịch nước
- Có 3 con: Cao Đạt và Cao Vành và Cao Quá là liệt sỹ.

### **H' MÁCH**

- Năm sinh: 1918 (đã chết)
- Nguyên quán: Di Linh, Lâm Đồng
- Trú quán: Đắc R'Măng, Đắc Glong, Đắc Nông
- Quyết định số: 1271/QĐ-CTN, ngày 06/7/2017 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Bạc Cao và K' Giải là liệt sỹ

### **NGUYỄN THỊ MỌ (MỐC)**

- Năm sinh: 1915 (đã chết)
- Nguyên quán: Tiên Sơn, Tiên Phước Quảng Nam
- Trú quán: Đắc Sắk, Đắc Mil, Đắc Nông
- Quyết định số: 973/QĐ-CTN, ngày 15/12/2004 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 1 con: Đặng Tấn Thìn là liệt sỹ.

### **NGUYỄN THỊ MIỀNG**

- Năm sinh: 1914 (đã chết)
- Nguyên quán: Tam Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam
- Trú quán: Năm N'Jang, Đắc Song, Đắc Nông
- Quyết định số: 396 /QĐ/CTN, ngày 17/4/2004 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 3 con Nguyễn Văn Kiêu và Nguyễn Thống và Nguyễn Văn Nghiên là liệt sỹ

### **CHÂU THỊ NGHÊ**

- Năm sinh: 1924 (còn sống)
- Nguyên quán: Bình Thuận, Bình Sơn, Quảng Ngãi
- Trú quán: Thị trấn Đức An, Đắc Song, Đắc Nông
- Quyết định số: 394/KT/CTN, ngày 17/12/1994 của Chủ tịch nước

- Mẹ có Chồng: Võ Quế và 2 con Nguyễn Diện và Nguyễn Đới là liệt sỹ.

### **TRẦN THỊ NHỊ**

- Năm sinh: 1988 (đã chết)
- Nguyên quán: Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị
- Trú quán: Ea Tling, Cư Jút, Đắk Nông
- Quyết định số: 676 /KT/CTN, ngày 25/12/2000 của Chủ tịch nước
- Có 3 con: Trần Công Hường và Trần Văn Nhạn và Trần Thị Bán là liệt sỹ.

### **NGUYỄN THỊ NHỎ**

- Năm sinh: 1920 (đã chết)
- Nguyên quán: Đức Chánh, Mộ Đức, Quảng Ngãi
- Trú quán: Quảng Tân, Tuy Đức, Đắk Nông
- Quyết định số: 187/QĐ-CTN, ngày 6/2/2017
- Mẹ có 1 con: Lê Thị Mà là liệt sỹ

### **ĐỖ THỊ NHƠN**

- Năm sinh: 1918 (đã chết)
- Nguyên quán: Đức Minh, Mộ Đức, Quảng Ngãi
- Trú quán: Tâm Thắng, Cư Jút, Đắk Nông
- Quyết định số: 3353/QĐ-CTN, ngày 16/12/2014 của Chủ tịch nước
- Có 1 mẹ và 1 con: Đỗ Thị Nhơn và con Nguyễn Xuân Hạnh là liệt sỹ.

### **BÙI THỊ NHUNG**

- Năm sinh: 1926 (còn sống)
- Nguyên quán: Tịnh Minh, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
- Trú quán: TT Kiên Đức, Đắk R'Lấp, Đắk Nông
- Quyết định số: 3354/QĐ-CTN, ngày 16/12/2014 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Phan Quang Việt và Phan Quang Nam là liệt sỹ.

## **VƯƠNG THỊ PHƯỢNG**

- Năm sinh: 1922 (đã chết)
- Nguyên quán: Lăng Hiếu, Trùng Khánh, Cao Bằng
- Trú quán: Đắc Wer, Đắc R'Lấp, Đắc Nông
- Quyết định số: 2304/QĐ-CTN, ngày 02/11/2016 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Lý Văn Nền và Lý Văn Hôn là liệt sỹ.

## **ĐÀM THỊ RAO**

- Năm sinh: 1925 (đã chết)
- Nguyên quán: Thị Hoa, Thị Lang, Cao Bằng
- Trú quán: Đắc D'Rông, Cư Jút, Đắc Nông
- Quyết định số: 1200/QĐ-CTN, ngày 13/6/2016 của Chủ tịch nước

## **NGÔ THỊ SẮC**

- Năm sinh: 1907 (đã chết)
- Nguyên quán: Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Quảng Nam
- Trú quán: Đức Xuyên, Krông Nô, Đắc Nông
- Quyết định số: 459/QĐ-CTN, ngày 7/3/2017 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Nguyễn Văn Sa và Nguyễn Thị Sịa

## **LÊ THỊ SẢN**

- Năm sinh: 1920 (đã chết)
- Nguyên quán: Tam Thanh, Tam Kỳ, Quảng Nam
- Trú quán: Nam Đà, Krông Nô, Đắc Nông
- Quyết định số: 3078/QĐ-CTN, ngày 21/11/2014 của Chủ tịch nước
- Có 2 con: Nguyễn Lựu và Nguyễn Văn Cam là liệt sỹ.

## **PHẠM THỊ SÁU**

- Năm sinh: 1930 (đã chết)
- Nguyên quán: Đại Lộc, Quảng Nam
- Trú quán: Quản Tân, Tuy Đức, Đắc Nông
- Quyết định số: 522/KT/CTN, ngày 27/8/1995 của Chủ tịch nước



- Mẹ có 1 con: Phan Văn Lực là liệt sỹ.

### **ĐẬU THỊ TÀI**

- Năm sinh: 1905 (đã chết)
- Nguyên quán: Việt Xuyên, Thạch Hà, Hà Tĩnh
- Trú quán: Đắc Lao, Đắc Mil, Đắc Nông
- Quyết định số: 1271/QĐ-CTN, ngày 06/7/2017 của Chủ tịch nước
- Có 2 con: Nguyễn Hữu Thịnh và Nguyễn Hữu Thống liệt sỹ

### **VÕ THỊ THÍ**

- Năm sinh: 1888 (đã chết)
- Nguyên quán: Mỹ Tân, Núi Thành, Quảng Nam
- Trú quán: Nghĩa Thắng, Đắc R'Lấp, Đắc Nông
- Quyết định số: 3078/QĐ-CTN, ngày 21/11/2014 của Chủ tịch nước
- Có 1 con: Lê Phổ là liệt sỹ.

### **LỮ THỊ THIỆN**

- Năm sinh: 1919 (đã chết)
- Nguyên quán: Trung Xuân, Quang Hóa, Thanh hóa
- Trú quán: Ea Pô, Cư Jút, Đắc Nông
- Quyết định số: 1271/QĐ-CTN, ngày 06/7/2017 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Lữ Văn Thâm và Lữ Văn Thắng là liệt sỹ

### **NGUYỄN THỊ THÔN**

- Năm sinh: 1910 (đã chết)
- Nguyên quán: Triệu Phước, Triệu phong, Quảng Trị
- Trú quán: Đạo Nghĩa, Đắc R'Lấp, Đắc Nông
- Quyết định số: 483/KT/CTN, ngày 17/12/1999 của Chủ tịch nước
- Có 1 con: Nguyễn Hữu Hậu là liệt sỹ.

### **NGUYỄN THỊ THUNG**

- Năm sinh: 1914 (đã chết)

- Nguyên quán: Phúc Thọ, Nghi Lộc, Nghệ An
- Trú quán: Thuận An, Đắc Mil, Đắc Nông
- Quyết định số: 1958/ QĐ-CTN, ngày 7/9/2015 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Nguyễn Doãn Tý và Nguyễn Doãn Thân là liệt sỹ

### **PHẠM THỊ TÔ**

- Năm sinh: 1920 (đã chết)
- Nguyên quán: Nam Tuấn, Hòa An, Cao Bằng
- Trú quán: Nam Đà, Krông Nô, Đắc Nông
- Có mẹ và 2 con: Mẹ Phạm Thị Tô và 2 con Bùi Tộ và Bùi Muôn là liệt sỹ.

### **BÙI THỊ TOÀI**

- Năm sinh: 1917 (đã chết)
- Nguyên quán: Tam Vinh, Tam Kỳ, Quảng Nam
- Trú quán: Quảng Khê, Đắc Glong, Đắc Nông
- Quyết định số: 394/KT/CTN, 17/12/1994 của Chủ tịch nước
- Có 1 con: Phan Nhật là liệt sỹ.

### **NGUYỄN THỊ TRÚNG**

- Năm sinh: 1926 (đã chết)
- Nguyên quán: Hoài Mỹ, Hoài Nhơn, Bình Định
- Trú quán: Đắc Mâm, Krông Nô, Đắc Nông
- Quyết định số: 273 /KT/CTN, ngày 4/7/2000 của Chủ tịch nước
- Có chồng và 2 con: Chồng Trần Nghé và 2 con Trần Sướng và Trần Quá là liệt sỹ.

### **NGUYỄN THỊ TRƯỢNG**

- Năm sinh: 1910 (đã chết)
- Nguyên quán: Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam
- Trú quán: Nam Dong, Cư Jút, Đắc Nông
- Quyết định số: 438/KT/CTN, ngày 24/4/1995 của Chủ tịch nước

- Có mẹ và 2 con: Nguyễn Thị Trọng và 2 con Nguyễn Kiêm và Nguyễn Công là liệt sỹ.

### **VÕ THỊ TÙNG**

- Năm sinh: 1928 (đã chết)
- Nguyên quán: Bình Chương, Bình Sơn, Quảng Ngãi
- Trú quán: Đắc Mól, Đắc Song, Đắc Nông
- Quyết định số: 1958/ QĐ-CTN, ngày 7/9/2015
- Mẹ có 2 con: Đỗ Thị Phụ và Đỗ Ngọc Lê là liệt sỹ

### **LÊ THỊ TÝ**

- Năm sinh: 1910 (đã chết)
- Nguyên quán: Đông Vinh, Đông Hưng, Thái Bình
- Trú quán: Nghĩa Tân, Gia Nghĩa, Đắc Nông
- Quyết định số: 1024/QĐ-CTN, ngày 02/6/2015 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Nguyễn Văn Lâm và Tô Mạnh Ngữ là liệt sỹ

### **NGUYỄN THỊ VÀY**

- Năm sinh: 1906 (đã chết)
- Nguyên quán: Tam Dân, Tam Kỳ, Quảng Nam
- Trú quán: Quảng Khê, Đắc Glong, Đắc Nông
- Quyết định số: 218/KT/CTN, ngày 19/6/1999 của Chủ tịch nước
- Có chồng và 1 con: chồng Nguyễn Thành Trung và con Phan Nhật là liệt sỹ.

### **NGUYỄN THỊ XUÂN**

- Năm sinh: 1937 (còn sống)
- Nguyên quán: Mộ Đức, Quảng Ngãi
- Trú quán: Đắc Lao, Đắc Mil, Đắc Nông
- Quyết định số: 3077/QĐ-CTN, ngày 21/11/2014 của Chủ tịch nước
- Mẹ có 2 con: Nguyễn Ngọc Niên và Nguyễn Ngọc Hiện là liệt sỹ.